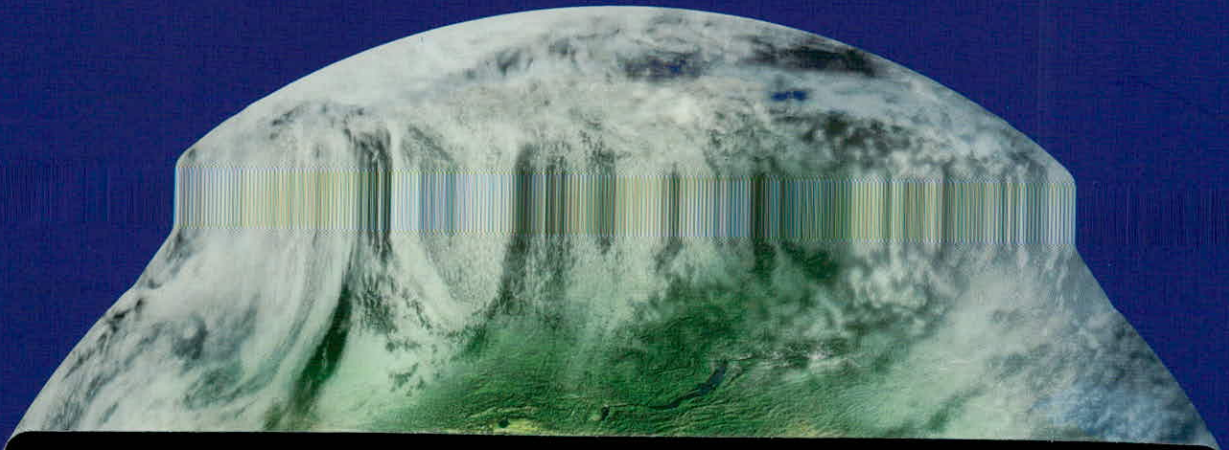
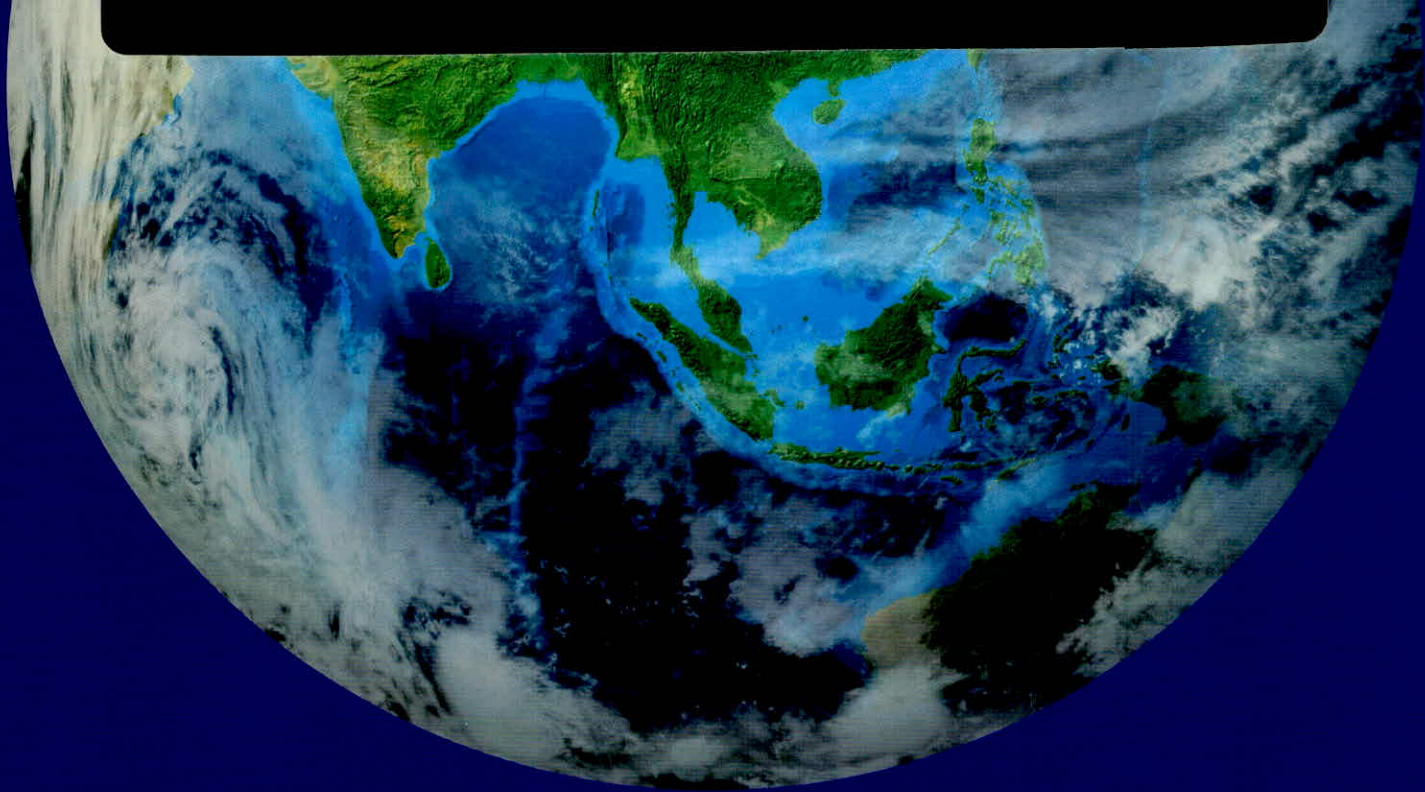



EPA VIETNAM

Qualified Services
with Global Understanding
and Vision





A member of  **MOORE** *Members in principal cities throughout the world*

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘ LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 -12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 71

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/06/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO").

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

Ông Ninh Mạnh Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên
Ông Vũ Quang Bảo	Thành viên
Ông Trịnh Hùng Lâm	Thành viên
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đạt	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Minh Hiệp	Phó Tổng giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/3/2020)
Ông Phan Văn Chung	Phó Tổng giám đốc
Ông Đào Minh Tiến	Phó Tổng giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/6/2019)
Ông Phạm Văn Toán	Phó Tổng giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/7/2019)
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 11/6/2019)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Nguyễn Văn Đạt
Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số: 421/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Tổng công ty IDICO - CTCP**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty IDICO - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty IDICO - CTCP, được lập ngày 30/3/2020, từ trang 06 đến trang 71, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A blue ink handwritten signature.

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Phan Thị Xuân Diệu
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2742-2020-137-1

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		3.435.719.076.578	3.555.355.937.007
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	667.827.120.829	742.830.344.143
1. Tiền	111		159.849.861.624	292.526.991.100
2. Các khoản tương đương tiền	112		507.977.259.205	450.303.353.043
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.210.304.475.066	1.533.062.296.507
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.210.304.475.066	1.533.062.296.507
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.040.418.616.361	826.103.615.364
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	522.137.475.333	499.686.631.850
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		164.797.437.275	103.511.128.609
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	147.946.995.976	124.237.790.667
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	216.067.854.962	111.033.667.128
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(18.594.459.945)	(20.428.915.650)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	8.063.312.760	8.063.312.760
IV- Hàng tồn kho	140	5.8	479.192.575.278	386.374.875.733
1. Hàng tồn kho	141		479.471.983.981	386.707.557.600
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(279.408.703)	(332.681.867)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		37.976.289.044	66.984.805.260
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	3.834.466.578	9.824.639.933
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.940.117.603	53.570.252.351
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.19	201.704.863	3.589.912.976



TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		10.879.903.126.984	10.338.911.479.252
I Các khoản phải thu dài hạn	210		38.673.018.718	27.353.668.099
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	10.071.401.276	9.924.813.969
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		642.745.611	648.926.111
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	31.903.176.546	21.730.777.610
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.6	(3.944.304.715)	(4.950.849.591)
II Tài sản cố định	220		6.345.862.259.561	6.398.712.414.509
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	4.274.342.608.388	4.350.697.364.683
- Nguyên giá	222		7.376.644.251.522	7.118.675.228.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.102.301.643.134)	(2.767.977.863.863)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	2.071.519.651.173	2.048.015.049.826
- Nguyên giá	228		2.460.974.422.417	2.385.930.761.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(389.454.771.244)	(337.915.712.084)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	127.388.188.234	139.364.297.465
1. Nguyên giá	231		158.596.007.375	164.020.056.397
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(31.207.819.141)	(24.655.758.932)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.992.450.501.907	2.385.506.896.048
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	2.992.450.501.907	2.385.506.896.048
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		862.206.296.925	891.973.303.561
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.14	761.787.533.827	795.488.631.507
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.15	104.142.259.784	104.142.259.784
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.15	(4.563.496.686)	(8.497.587.730)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		840.000.000	840.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		513.322.861.639	496.000.899.570
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	475.356.191.743	453.993.886.685
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.158.586.229	8.417.463.924
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		10.497.427.387	10.537.552.012
5. Lợi thế thương mại	269	5.16	17.310.656.280	23.051.996.949
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		14.315.622.203.562	13.894.267.416.259

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) (300 = 310+330)	300		10.083.019.288.092	9.686.859.226.723
I- Nợ ngắn hạn	310		1.600.596.324.013	1.541.844.438.027
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.17	230.955.081.649	245.164.408.640
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		103.871.571.754	118.606.167.167
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.19	67.424.478.434	53.543.869.725
4. Phải trả người lao động	314		34.362.790.466	42.011.756.491
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.20	26.099.114.209	28.562.376.482
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.23	160.172.756.007	144.114.522.195
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.21	459.789.476.584	353.179.139.340
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.22	439.984.720.728	504.886.232.288
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.24	42.982.704.237	23.664.403.455
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		34.953.629.945	28.111.562.244
II- Nợ dài hạn	330		8.482.422.964.079	8.145.014.788.696
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.17	-	295.079.246
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.18	131.957.695.830	3.015.493
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.20	1.146.513.584	1.143.116.899
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.23	5.925.489.513.790	5.441.527.144.501
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.21	15.199.286.857	156.354.680.532
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.22	2.204.208.677.918	2.377.031.311.005
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		42.414.717.288	12.272.176.585
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.24	162.006.558.812	156.388.264.435
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) (400 = 410+430)	400		4.232.602.915.470	4.207.408.189.536
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.25	4.232.602.915.470	4.207.408.189.536
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.896.673.847	42.657.878.636
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.748.559.983	2.748.559.983
6. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		(59.296.653.028)	(59.296.653.028)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		210.707.521.204	173.493.895.682
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		254.047.712.249	314.787.661.526
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		59.351.064.111	82.175.317.163
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		194.696.648.138	232.612.344.363
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423	5.26	782.499.101.215	733.016.846.737
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		14.315.622.203.562	13.894.267.416.259

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Bùi Tiến Dũng

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Đạt

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018	
			Năm 2019 VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.27	4.931.143.507.862	4.154.513.361.255
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.27	2.397.982.667	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.27	4.928.745.525.195	4.154.513.361.255
4. Giá vốn hàng bán	11	5.28	4.090.630.896.335	3.464.756.729.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		838.114.628.860	689.756.631.557
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.29	129.074.878.007	133.345.985.234
7. Chi phí tài chính	22	5.30	206.341.146.473	205.414.658.954
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		202.144.603.821	196.252.510.271
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24	3.31	79.527.843.034	1.249.211.106
9. Chi phí bán hàng	25	5.32	81.329.733.807	63.474.266.031
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.33	197.473.455.309	149.252.641.682
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		561.573.014.312	406.210.261.230
12. Thu nhập khác	31	5.34	28.932.291.430	12.823.767.080
13. Chi phí khác	32	5.34	16.044.513.804	6.219.881.072
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		12.887.777.626	6.603.886.008
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		574.460.791.938	412.814.147.238
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.35	70.825.889.148	55.425.179.966
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		26.597.261.775	9.122.574.085
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		477.037.641.015	348.266.393.187
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		344.696.648.137	232.612.344.363
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		132.340.992.878	115.654.048.824
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.36	1.149	635

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



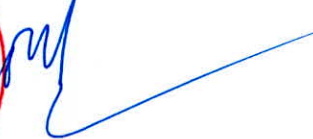
Bùi Tiên Dũng

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc

Nguyễn Văn Đạt

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018	
		Năm 2019 VND	VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	574.460.791.938	412.814.147.238
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	420.453.406.681	368.010.847.179
- Các khoản dự phòng	03	19.114.775.246	78.075.652.837
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.670.789	(7.244.714)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(137.469.954.491)	(134.144.300.998)
- Chi phí lãi vay	06	202.144.603.821	196.252.510.271
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	1.078.706.293.984	921.001.611.813
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(227.959.431.414)	2.065.994.084.354
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(92.724.301.756)	171.009.787.929
- Thay đổi các khoản phải trả	11	478.073.601.036	(1.437.899.139.313)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(15.372.131.703)	29.069.504.902
- Tiền lãi vay đã trả	14	(209.949.403.453)	(182.575.190.105)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(65.734.536.687)	(64.007.001.697)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	130.890.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(47.452.179.091)	(13.683.252.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	897.718.800.917	1.488.910.405.516
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(963.054.099.627)	(1.518.317.864.729)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.395.077.671	2.508.332.365
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(863.994.367.962)	(2.174.113.095.153)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	1.191.752.189.403	610.064.059.086
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	33.701.097.680	(277.814.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	76.003.060.384
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	171.123.368.540	132.204.348.602
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(422.076.734.295)	(3.149.465.159.445)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.100.022.577.391	1.942.119.162.824
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.337.746.722.038)	(1.392.748.181.549)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(312.918.474.500)	(93.521.808.421)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(550.642.619.147)	455.849.172.854
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(75.000.552.525)	(1.204.705.581.075)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	742.830.344.143	1.947.528.680.504
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.670.789)	7.244.714
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	667.827.120.829	742.830.344.143

TÔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Bùi Tiến Dũng

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Đạt



TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") trước đây là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 26/2000/QĐ-BXD ngày 06/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Ngày 21/12/2006, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 1768/QĐ-BXD về việc chuyển Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO) được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên (IDICO) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0302177966 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 02 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 03 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO").

Tên tiếng Anh: IDICO CORPORATION - JSC

Tên viết tắt: IDICO

Vốn điều lệ của IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 3.000.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃU B 09 -DN/HN

1.1. Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)

Sở hữu vốn tại thời điểm ngày 31/12/2019:

Cổ đông	Tỷ lệ	Số lượng cổ phần	Thành tiền
Bộ Xây dựng	36,0%	108.000.000	1.080.000.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO	22,5%	67.500.000	675.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	22,5%	67.500.000	675.000.000.000
Các cổ đông khác	19,0%	57.000.000	570.000.000.000
Cộng		300.000.000	3.000.000.000.000

Cổ phiếu của Tổng công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường Upcom vào ngày 24/11/2017 với mã chứng khoán là IDC và chuyển sang giao dịch tại sàn HNX kể từ ngày 10/12/2019 .

Trụ sở chính của Tổng công ty IDICO tại: 151 Ter Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2019: 1.483 người (tại ngày 31/12/2018: 1.608 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng công ty IDICO - CTCP kinh doanh đúng theo các ngành nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong năm: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, Khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh điện, hoạt động xây dựng và BOT giao thông.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

1.3 Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31/12/2019, Tổng công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Bên liên quan	Tên giao dịch	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2019	Tỷ lệ biểu quyết tại ngày 31/12/2019
A.	Các công ty con				
1	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	IDICO - URBIZ	Đầu tư, xây lắp, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	IDICO - ICC	Xây lắp, đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100,00%	100,00%
3	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	IDICO - UDICO	Xây lắp, kinh doanh điện	51,00%	51,00%
4	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	IDICO - SHP	Kinh doanh điện, nước sạch	51,00%	51,00%
5	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	IDICO - IDI	Giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị, xây lắp	47,50%	61,78%
6	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	IDICO - LINCO	Đầu tư, xây lắp	51,00%	51,00%
7	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	IDICO - CONAC	Đầu tư, xây lắp, du lịch, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	51,00%	51,00%
8	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	IDICO - INCON	Tư vấn đầu tư xây dựng	60,40%	70,40%
9	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	IDICO - MCI	Kinh doanh vật liệu xây dựng	81,94%	81,94%
10	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	IDICO - INCO 10	Đầu tư, xây lắp	96,83%	96,83%
11	Công ty CP Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO	IDICO - QUE VO	Xây lắp, đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	39,94%	54,94%
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	IDICO - TCC	Sản xuất, kinh doanh và thi công xây dựng	93,26%	93,26%

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

B. Các công ty liên doanh, liên kết

1	Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi	DAK MI JSC	Sản xuất điện	26,00%	26,00%
2	Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	PFM	Sản xuất kính	30,00%	30,00%
3	Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	BVEC	Giao thông, vật liệu xây dựng	49,00%	49,00%
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	LAMA IDICO	Gia công cơ khí, lắp đặt thiết bị	20,13%	30,13%
5	Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	SONG HONG 1, JSC	Thi công các công trình dân dụng và kinh doanh dự án	34,85%	34,85%
6	Công ty cổ phần Phát triển khu công nghiệp và đô thị Thủ thừa IDICO - CONAC	IDTT	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	30,00%	30,00%

C. Các đơn vị trực thuộc

1	Chi nhánh Tổng công ty IDICO - CTCP - Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	IDICO - DAK MI 3	Quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3
2	Chi nhánh Tổng công ty IDICO - CTCP tại Hà Nội	IDICO - HA NOI	Xây lắp công trình dân dụng
3	Chi nhánh Tổng công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	IDICO - IEB	Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu cho kỳ kế toán 10 tháng kết thúc tại ngày 31/12/2018 cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty con trong cùng Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần từng Công ty con khi hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu thuộc cổ đông không kiểm soát của Tổng công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2019.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,..): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Được trích lập cho từng mã chứng khoán, dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu về cho vay và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tổng công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	08 - 10
Hệ thống đường giao thông, thoát nước Khu công nghiệp	05 - 20

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, chi phí san nền, đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Khu công nghiệp Kim Hoa, Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, Khu công nghiệp Quế Võ 2, Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3, Khu công nghiệp Cầu Nghìn. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian được giao, thuê đất.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước tại Tổng công ty bao gồm: công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ, giá trị công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% được đánh giá lại, giá trị lợi thế tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Tổng công ty được đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Quyết định số 1144/QĐ-BXD ngày 04/11/2016 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển được phân bổ không quá 03 năm và bắt đầu phân bổ vào thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃU B 09 -DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, người mua trả tiền trước, vay và nợ thuê tài chính, doanh thu chưa thực hiện và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Doanh thu chưa thực hiện là các khoản Tổng công ty phải phân bổ trong tương lai tương ứng với thời gian thuê và số tiền người mua đã trả trước về việc thuê đất, phí quản lý và sử dụng hạ tầng nhận trước tại các khu công nghiệp.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, có 11.709.117.262 đồng (cho kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018: 9.402.770.889 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận:

Tổng công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên cho thuê và được bên cho thuê chấp thuận thanh toán. Tiền thuê đất được trả trước và được phân bổ vào doanh thu hàng năm theo thời gian cho thuê.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)**

- Hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế. Theo Văn bản số 7128/CT-THNVDT ngày 22/11/2010 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 được miễn bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và giảm 50% trong bảy năm tiếp theo.
- Hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Mỹ Xuân A có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2004 - 2018) và mức thuế suất 15% cho các năm tiếp theo (từ năm 2019) theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2193 BKH/DN ngày 11/4/2001. Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8751/BKH/PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Mỹ Xuân A được miễn 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2006 - 2009) và giảm 50% trong tám năm tiếp theo (2010 - 2017).
- Hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2004 - 2018) và mức thuế suất theo quy định hiện hành cho các năm tiếp theo. Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 7905/BKH/PTDN ngày 08/12/2004 và số 8751/BKH/PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 được miễn 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2007) và giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47221001111, chứng nhận lần đầu ngày 15/4/2014 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 áp dụng bằng 10% trong 15 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2004 (2004 - 2018), dự án được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2007 - 2010) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).
- Hoạt động tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031) và mức thuế suất theo quy định hiện hành cho các năm tiếp theo. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000113 chứng nhận lần đầu ngày 19/6/2008 và thay đổi lần thứ 01 ngày 5/6/2015 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng được miễn 03 năm (từ 2017 - 2019) kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (2020 - 2026).

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃU B 09 -DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

- Hoạt động kinh doanh tại Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3717743015 ngày 23/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 được miễn bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2017 - 2020) và giảm 50% trong chín năm tiếp theo (2021 - 2029).
- Hoạt động tại Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và mức thuế suất theo quy định hiện hành cho các năm tiếp theo. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000120 ngày 21/7/2008 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1 được miễn 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.
- Hoạt động tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 và Khu công nghiệp Quế Võ 2 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20%.
- Hoạt động kinh doanh tại Khu công nghiệp Cầu Nghìn: miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ 2019-2020), giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (từ 2021-2024), không được ưu đãi thuế suất.
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20%.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Tổng công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, kinh doanh điện năng, thu phí đường bộ, xây lắp, bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Tổng công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT.

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	21.614.258.041	15.226.566.346
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	138.235.603.583	277.300.424.754
Các khoản tương đương tiền (*)	507.977.259.205	450.303.353.043
Cộng	667.827.120.829	742.830.344.143

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn dưới 03 tháng với lãi suất bình quân từ 4,3%/ năm đến 5,5%/năm.

5.2 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng của Tổng công ty tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 5,0%/năm đến 7,8%/năm.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN

5.3 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND (trình bày lại)
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	522.137.475.333	499.686.631.850
Công ty Mua bán điện (*)	119.535.524.967	112.061.062.784
Công ty cổ phần Dệt Texhong Nhơn Trạch	16.547.097.689	16.026.822.614
Công ty Hualon Corporation Việt Nam	10.248.317.961	9.988.419.710
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội	846.217.855	7.851.078.950
Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai	3.311.963.351	5.311.963.351
Công ty cổ phần Thủy điện Dakrinh	7.122.922.361	7.122.922.361
Công ty cổ phần Du lịch Đồng Tháp	7.000.000.000	-
Ban quản lý Đầu tư dự án vệ sinh môi trường thành phố Hồ Chí Minh	-	4.520.304.661
Công ty TNHH May Thiên Kim	10.537.743.600	10.537.743.600
Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình Huyện Hóc Môn	3.576.135.252	4.291.574.136
Ban quản lý Dự án nâng cấp đô thị thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp	3.984.574.782	14.240.366.782
Công ty Cổ phần xây dựng Bông Sen Vàng	9.076.519.500	-
Các đối tượng còn lại	330.350.458.015	307.734.372.901
b) Phải thu khách hàng dài hạn	10.071.401.276	9.924.813.969
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn khác	10.071.401.276	9.924.813.969
Cộng	532.208.876.609	509.611.445.819
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)	38.094.469.911	2.114.780.629

(*) Là khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh điện tại IDICO - DAK MI 3 và IDICO - SHP.

5.4 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	147.946.995.976	124.237.790.667
DAK MI JSC (*)	147.946.995.976	119.237.790.667
Công ty TNHH TSUKI VINA	-	5.000.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	147.946.995.976	124.237.790.667
Phải thu cho vay các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)	147.946.995.976	119.237.790.667

(*) Theo hợp đồng vay vốn số 22/2018/HĐVV ngày 22/6/2018 giữa IDICO với Công ty cổ phần thủy điện Đak Mi với số tiền cho vay là 97.802.966.431 đồng. Hợp đồng số 01/2019/HĐVV ngày 02/5/2019 với số tiền cho vay là 40.000.000.000 đồng và thỏa thuận nhận toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay thương mại với ngân hàng Paribas ngày 28/3/2016 với số dư tiền cho vay tại ngày 31/12/2019 là 10.144.029.545 đồng.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.5 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND) (trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	216.067.854.962	3.428.239.322	111.033.667.128	2.628.707.844
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	118.623.684.880	-	-	-
- Tạm ứng	15.861.484.328	2.770.786.671	12.791.068.751	2.481.116.839
- Ký cược, ký quỹ	3.638.360.182	-	529.766.008	-
- Phải thu khác (*)	77.944.325.572	657.452.651	97.712.832.369	147.591.005
b) Dài hạn	31.903.176.546	270.417.403	21.730.777.610	270.417.403
- Tạm ứng	51.622.896	51.622.896	51.622.896	51.622.896
- Ký cược, ký quỹ	11.108.313.570	-	935.914.634	-
- Phải thu khác (**)	20.743.240.080	218.794.507	20.743.240.080	218.794.507
Cộng	247.971.031.508	3.698.656.725	132.764.444.738	2.899.125.247
	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND) (trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn (*)	77.944.325.572	657.452.651	97.712.832.369	147.591.005
Lãi dự thu của các ngân hàng	48.646.742.129	-	17.625.506.848	-
Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng Đức Hòa	11.107.751.064	-	37.063.199.520	-
DAK MI JSC	1.133.006.235	-	6.963.058.399	-
Các đối tượng khác	17.056.826.144	657.452.651	36.061.067.602	147.591.005
Dài hạn (**)	20.743.240.080	218.794.507	20.743.240.080	218.794.507
Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng khai thác mỏ đá Tăng Xi	20.088.889.066	-	20.088.889.066	-
Phải thu dài hạn khác	654.351.014	218.794.507	654.351.014	218.794.507
Cộng	98.687.565.652	876.247.158	118.456.072.449	366.385.512

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN/HN

5.6 NỢ XẤU

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn	29.440.943.379	10.846.483.434	30.308.305.391	9.879.389.741
Công ty TNHH Kho vận Cảng Bàn Thạch	-	-	5.003.429.502	3.405.696.903
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	2.954.405.259	898.255.503	2.947.847.876	1.483.974.000
Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Thành Đạt	-	-	2.111.106.542	1.477.774.579
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bảo Toàn	2.060.858.559	618.257.976	2.060.857.976	1.030.428.988
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	2.839.446.474	1.916.500.156	2.045.892.635	1.432.124.844
Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	-	-	356.168.000	249.317.600
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng đô thị Việt Nam	-	-	493.614.816	-
Công ty cổ phần Thép Quatron	632.774.054	-	632.774.054	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cát Tường	901.100.912	-	901.100.912	-
Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp dầu khí Sài Gòn	810.510.797	-	810.510.797	-
Công ty cổ phần Xây lắp dầu khí 2	390.347.741	-	390.347.741	-
Công ty TNHH Giang An Huy	244.968.069	-	244.968.069	-
Công ty TNHH-MTV Đại Tân Lợi	-	-	227.593.648	-
Công ty cổ phần COSEVCO 9	-	-	73.462.796	-
Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 889	93.106.200	-	93.106.200	-
Công ty cổ phần Xi măng Miền Trung	425.738.260	-	425.738.260	-
Công ty TNHH Hồng Anh	-	-	613.158.228	-
Cty TNHH MTV sản xuất TM VT Tiến Thành	441.488.076	-	-	-
Công ty CP đầu tư Kim Trường Phát	3.690.510.760	2.447.663.375	-	-
Các đối tượng còn lại	13.955.688.218	4.965.806.424	10.876.627.339	800.072.827
Dài hạn	3.944.304.715	-	4.950.849.591	-
Công ty TNHH Phương Nga	3.944.304.715	-	3.944.304.715	-
Các đối tượng còn lại	-	-	1.006.544.876	-
Cộng	33.385.248.094	10.846.483.434	35.259.154.982	9.879.389.741

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.6 NỢ XẤU (TIẾP THEO)

	Quá hạn 6 tháng - 1 năm	Quá hạn 1 năm - dưới 2 năm	Quá hạn 2 năm - dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	-	-	2.954.405.259	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bảo Toàn	-	-	2.060.858.559	-
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	2.839.446.474	-	-	-
Công ty cổ phần Thép Quatron	-	-	-	632.774.054
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cát Tường	-	-	-	901.100.912
Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp dầu khí Sài Gòn	-	-	-	810.510.797
Công ty cổ phần Xây lắp dầu khí 2	-	-	-	390.347.741
Công ty TNHH Giang An Huy	-	-	-	244.968.069
Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 889	-	-	-	93.106.200
Công ty cổ phần Xi măng Miền Trung	-	-	-	425.738.260
Cty TNHH MTV sản xuất TM VT Tiến Thành	-	-	-	441.488.076
Công ty CP đầu tư Kim Trường Phát	3.690.510.760	-	-	-
Công ty TNHH Phương Nga	-	-	-	3.944.304.715
Các đối tượng còn lại	-	13.955.688.218	-	-
Cộng	6.529.957.234	13.955.688.218	5.015.263.818	7.884.338.824

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.7 TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tiền	-	148.322.234	-	148.322.234
- Hàng tồn kho	-	7.857.990.526	-	7.857.990.526
- Tài sản khác	-	57.000.000	-	57.000.000
Cộng	-	8.063.312.760	-	8.063.312.760

5.8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND) trình bày lại	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.401.105.317	-	16.455.281.385	-
Công cụ, dụng cụ	148.227.832	(5.600.000)	248.805.118	(5.600.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	278.666.773.922	(52.197.000)	267.890.123.742	(52.197.000)
Thành phẩm	186.674.674.877	(221.611.703)	100.092.595.330	(248.114.179)
Hàng hóa	581.202.033	-	2.020.752.025	(26.770.688)
Cộng	479.471.983.981	(279.408.703)	386.707.557.600	(332.681.867)

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09-DN/HN

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
		(trình bày lại)
a) Ngắn hạn	3.834.466.578	9.824.639.933
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	708.949.635	2.055.888.429
Chi phí tiếp thị dự án khu dân cư trung tâm phường 6 mở rộng	842.341.050	7.028.961.358
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.283.175.893	739.790.146
b) Dài hạn	475.356.191.743	453.993.886.685
Chi phí trả trước tiền thuê đất	413.247.494.605	357.422.061.775
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 (i)</i>	<i>84.824.213.123</i>	<i>84.824.213.123</i>
<i>Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (i)</i>	<i>139.754.811.831</i>	<i>81.073.158.548</i>
<i>Khu công nghiệp Kim Hoa (ii)</i>	<i>70.591.410.438</i>	<i>73.053.901.498</i>
<i>Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 (ii)</i>	<i>59.577.353.164</i>	<i>59.958.298.606</i>
<i>Khu công nghiệp Quế Võ 2 (iii)</i>	<i>58.499.706.049</i>	<i>58.512.490.000</i>
Giá trị lợi thế kinh doanh (iv)	29.405.822.431	54.701.358.008
Chi phí sửa chữa	7.425.280.232	13.606.602.455
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	5.682.101.431	9.506.238.364
Chi phí xúc tiến đầu tư khu công nghiệp	5.438.417.571	4.590.774.563
Chi phí trả trước khác	14.157.075.473	14.166.851.520
Cộng	479.190.658.321	463.818.526.618

(i) Chi phí trả trước tiền thuê đất Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5 sẽ được phân bổ từ năm 2022-2053 (Đồng Nai) và tiền thuê đất Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 sẽ được phân bổ từ năm 2034-2055 (Bà Rịa Vũng Tàu) phản ánh tiền thuê đất phải nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 31/12/2019, Tổng công ty đang trong giai đoạn được miễn tiền thuê đất nên Tổng công ty chưa phân bổ các khoản tiền thuê đất này vào chi phí.

(ii) Chi phí trả trước tiền thuê đất Khu công nghiệp Kim Hoa được phân bổ từ năm 2003-2053 (Vĩnh Phúc) và tiền thuê đất Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 được phân bổ từ năm 1998-2048 (Đồng Nai). Tại ngày 31/12/2019, Công ty TNHH MTV phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO (IDICO-URBIZ) đang phân bổ theo thời hạn thuê đất của 02 Khu công nghiệp.

(iii) Chi phí trả trước tiền thuê đất Khu công nghiệp Quế Võ 2 (Bắc Ninh) là giá trị tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo biên bản làm việc ngày 29/10/2014 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quế Võ IDICO với Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh về việc xác định các khoản được trừ về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng vào số tiền thuê đất phải nộp.

(iv) Giá trị lợi thế kinh doanh bao gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển của công ty mẹ - Tổng công ty IDICO; IDICO-URBIZ và IDICO - ICC tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 03 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần (ngày 01/3/2018)

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2019	5.659.118.254.387	1.275.413.036.093	153.220.188.124	8.884.864.603	22.038.885.339	7.118.675.228.546
Tăng trong năm	237.174.789.470	33.895.798.434	7.124.724.236	1.573.072.551	1.298.448.570	281.066.833.261
Mua trong kỳ	3.791.458.910	2.727.864.773	7.124.724.236	1.422.527.082	-	15.066.575.001
Đầu tư XDCB hoàn thành	233.383.330.560	31.167.933.661	-	150.545.469	1.298.448.570	266.000.258.260
Giảm trong năm	2.116.987.277	5.383.964.534	15.424.526.822	146.531.605	25.800.047	23.097.810.285
Thanh lý nhượng bán	-	5.383.964.534	14.786.735.223	-	-	20.170.699.757
Giảm khác	2.116.987.277	-	637.791.599	146.531.605	25.800.047	2.927.110.528
Số dư tại 31/12/2019	5.894.176.056.580	1.303.924.869.993	144.920.385.538	10.311.405.549	23.311.533.862	7.376.644.251.522
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2019	2.008.340.182.687	637.221.798.008	103.546.219.085	5.391.547.393	13.478.116.690	2.767.977.863.863
Tăng trong năm	263.033.588.405	76.931.614.899	12.898.443.540	1.349.747.341	2.407.552.458	356.620.946.643
Khấu hao trong năm	263.033.588.405	76.931.614.899	12.898.443.540	1.349.747.341	2.407.552.458	356.620.946.643
Giảm trong năm	-	5.383.964.534	14.686.314.503	146.531.605	-	22.297.167.372
Thanh lý nhượng bán	-	5.383.964.534	14.048.522.905	-	-	19.432.487.439
Giảm khác	2.080.356.730	-	637.791.598	146.531.605	-	2.864.679.933
Số dư tại 31/12/2019	2.271.373.771.092	708.769.448.373	101.758.348.122	6.594.763.129	15.885.669.148	3.102.301.643.134
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2019	3.650.778.071.700	638.191.238.085	49.673.969.039	3.493.317.210	8.560.768.649	4.350.697.364.683
Tại ngày 31/12/2019	3.622.802.285.488	595.155.421.620	43.162.037.416	3.716.642.420	7.425.864.714	4.274.342.608.388

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2019 là 1.916.541.421.440 đồng (tại ngày 01/01/2019 là 2.021.011.962.247 VND)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 1.037.209.595.045 đồng (tại ngày 01/01/2019 là 953.752.234.854 VND)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại 31/12/2019 với giá trị 1.088.360.740 VND (tại ngày 01/01/2019 là 546.792.857 VND).

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2019	2.116.041.102.296	1.791.795.808	268.097.863.806	2.385.930.761.910
Tăng trong năm	75.043.660.507	-	-	75.043.660.507
Mua trong năm	75.043.660.507	-	-	75.043.660.507
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	2.191.084.762.803	1.791.795.808	268.097.863.806	2.460.974.422.417
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2019	294.449.452.717	1.584.852.383	41.881.406.984	337.915.712.084
Tăng trong năm	46.176.187.956	108.205.328	5.254.665.876	51.539.059.160
Khấu hao trong năm	46.176.187.956	108.205.328	5.254.665.876	51.539.059.160
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	340.625.640.673	1.693.057.711	47.136.072.860	389.454.771.244
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2019	1.821.591.649.579	206.943.425	226.216.456.822	2.048.015.049.826
Tại 31/12/2019	1.850.459.122.130	98.738.097	220.961.790.946	2.071.519.651.173

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2019 là 1.261.995.433.199 VND (tại ngày 01/01/2019 là 1.292.137.397.835 VND).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 2.451.809.008 VND (tại ngày 01/01/2019 là 817.666.408 VND).

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP THEO)

Stt	Quyền sử dụng đất sử dụng để làm	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Nguyên giá (VND)	Thời hạn
1	Văn phòng Tổng công ty	Tại số 151 Ter, Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3,	358,00	515.419.200	50 năm
2	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	Tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3.093.931,00	43.608.615.335	Đến năm 2053
3	Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	Tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.582.751,00	91.520.425.736	Đến năm 2052
4	Nhà máy thủy điện Đak mi 3	Tại huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam	1.960.484,00	61.038.190.526	Đến năm 2059
5	Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 và Phú Mỹ 2 mở rộng	Tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	9.999.171,00	1.381.738.373.767	Đến năm 2058
6	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	Tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	3.918.700,00	56.648.720.923	Đến năm 2048
7	Khu công nghiệp Kim Hoa	Tại phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	500.000,00	36.518.318.431	Đến năm 2053
8	Cửa hàng xăng dầu IDICO - MCI	Tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	510,10	338.905.900	Đến năm 2043
9	Lồng hồ, đường dây thủy điện Srok Phu Miêng	Các huyện Bù Gia Mập, Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh và Bù Đốp tỉnh Bình Phước	16.460.789,00	211.693.560.591	Đến năm 2057
10	Khu đầu mối thủy điện Srok Phu Miêng	Tại xã Long Bình, huyện Phú Riềng và xã Thanh An, huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước	753.592,00	3.005.563.951	Đến năm 2057
11	Trụ sở IDICO - LINCO	Tại số 88, QL1 (tuyến tránh), phường 6, TP. Tân An, tỉnh	920,50	2.671.039.898	Lâu dài
12	Trụ IDICO - CONAC	Tại số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, TP. Vũng Tàu,	8.137,00	51.344.488.700	Lâu dài
13	Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	Tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2.121.607,40	226.997.454	Đến năm 2062
14	Trụ sở IDICO - INCON	Tại số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	80,40	2.389.054.000	Lâu dài
15	Trụ sở IDICO - INCO 10	Tại số 1A, Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	685,60	6.910.848.000	Lâu dài
16	Khu công nghiệp Quế Võ 2	Tại xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	1.195.524,10	189.037.743.382	Đến năm 2057
17	Khu công nghiệp Cầu Nginh	Tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	440.769,60	51.878.497.009	Đến năm 2057
	Cộng		44.038.010,70	2.191.084.762.803	

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN

5.12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê	Số đầu kỳ (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Số cuối kỳ (VND)
Nguyên giá	164.020.056.397	-	5.424.049.022	158.596.007.375
Nhà cửa vật kiến trúc	147.973.689.424	-	5.424.049.022	142.549.640.402
Nhà chung cư Hiệp Phước số 1	8.538.454.666	-	-	8.538.454.666
Nhà chung cư Hiệp Phước số 2	7.507.912.307	-	-	7.507.912.307
Giá trị hao mòn lũy kế	24.655.758.932	6.552.060.209	-	31.207.819.141
Nhà cửa vật kiến trúc	16.298.708.452	5.673.002.117	-	21.971.710.569
Nhà chung cư Hiệp Phước số 1	4.262.249.664	475.133.888	-	4.737.383.552
Nhà chung cư Hiệp Phước số 2	4.094.800.816	403.924.204	-	4.498.725.020
Giá trị còn lại	139.364.297.465	-	11.976.109.231	127.388.188.234
Nhà cửa vật kiến trúc	131.674.980.972	-	11.097.051.139	120.577.929.833
Nhà chung cư Hiệp Phước số 1	4.276.205.002	-	475.133.888	3.801.071.114
Nhà chung cư Hiệp Phước số 2	3.413.111.491	-	403.924.204	3.009.187.287

5.13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Các dự án đang thực hiện	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND (trình bày lại)
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	1.792.731.152.392	1.256.233.187.509
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	382.157.460.549	307.943.888.960
Khu công nghiệp Quế Võ 2	122.613.455.648	144.982.596.565
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	95.891.941.947	106.749.763.539
Cầu vượt nút giao Quốc lộ 1, Lê Trọng Tấn	27.495.077.160	99.413.807.493
Cầu Tân Kỳ Tân Quý, thành phố Hồ Chí Minh	117.950.442.513	94.126.934.601
Khu dân cư trung tâm phường 6 mở rộng	-	88.739.571.190
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	96.096.035.124	73.640.051.836
Khu tái định cư KCN Hựu Thạnh	62.455.120.897	45.993.002.999
Dự án khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	13.267.257.392	34.734.189.859
Khu dân cư nhà ở công nhân khu công nghiệp Hựu Thạnh	130.305.107.123	32.501.920.574
Nhà máy xử lý nước thải KCN Nhơn Trạch 5	17.098.810.422	17.098.810.422
Cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	16.586.679.505	16.586.679.505
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	18.537.096.048	10.201.395.158
Cảng Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	47.644.311.307	9.458.257.640
Khu dân cư trung tâm phường 6	-	5.588.159.755
Nhà máy thủy điện Dak Mi 3	5.491.972.364	2.500.000.000
Khu công nghiệp Mỹ Xuân A mở rộng	11.972.462.810	2.249.247.937
Khu công nghiệp Sơn Mỹ 2 - tỉnh Bình Thuận	5.153.993.780	5.153.993.780
Đầu tư bổ sung nút giao Quốc lộ 1A Hương lộ 2	-	4.278.168.514
Dự án mở sết Long An	5.498.709.552	5.498.709.552
Nhà máy xử lý nước thải KCN Phú Mỹ 2	844.762.861	844.762.862
Dự án khu đô thị Bắc Châu Giang Hà Nam	6.638.966.054	-
Các dự án khác	16.019.686.459	20.989.795.798
Cộng	2.992.450.501.907	2.385.506.896.048

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN**5.14 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
DAK MI JSC	312.217.691.674	379.771.657.384
PFG	265.800.000.000	265.800.000.000
BVEC	135.653.926.413	104.051.640.755
LAMA IDICO	25.163.022.399	27.186.829.601
SONG HONG 1, JSC	-	14.178.503.767
IDTT	22.952.893.341	4.500.000.000
Cộng	761.787.533.827	795.488.631.507

Tại ngày 31/12/2019, chi tiết các khoản đầu tư Liên doanh, liên kết như sau:

Đối tượng	Tỷ lệ góp vốn (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
DAK MI JSC	26,00%	26,00%	Sản xuất điện
PFG	30,00%	30,00%	Sản xuất kính sứ
BVEC	49,00%	49,00%	Giao thông, vật liệu xây dựng
LAMA IDICO	20,13%	30,13%	Gia công cơ khí, lắp đặt thiết bị
SONG HONG 1, JSC	34,85%	34,85%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
IDTT	30,00%	30,00%	Thi công công trình dân dụng và khu công nghiệp, kinh doanh dự án

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 –DN/HN

5.15 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Đối tượng đầu tư	31/12/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)			
		Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý (*)	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý (*)
III	Đầu tư vào đơn vị khác	14.315.172	104.142.259.784	78.958.311.200	4.563.496.686	14.315.172	104.142.259.784	8.497.587.730
1	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	770.000	8.393.000.000	17.633.000.000	-	770.000	8.393.000.000	18.634.000.000
2	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại dầu khí IDICO	7.782.604	32.553.016.000	60.704.311.200	-	7.782.604	32.553.016.000	24.055.428.270
3	Trường Đại học Công nghiệp Vinh	1.000.000	10.217.858.042		2.232.808.686	1.000.000	10.217.858.042	-
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam	311.940	3.119.400.000		-	311.940	3.119.400.000	-
5	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Tổng hợp	135.000	2.951.688.000	621.000.000	2.330.688.000	135.000	2.951.688.000	1.593.000.000
6	Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận	1.395.000	14.470.722.442		-	1.395.000	14.470.722.442	-
7	Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2	2.241.328	25.573.734.700		-	2.241.328	25.573.734.700	-
8	Công ty cổ phần Khai thác Hạnh Phúc	675.000	6.750.000.000		-	675.000	6.750.000.000	-
9	Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	4.300	112.840.600		-	4.300	112.840.600	-
	Cộng	14.315.172	104.142.259.784		4.563.496.686	14.315.172	104.142.259.784	8.497.587.730

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa Niêm yết do không có giá Niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn. Giá trị dự phòng được căn cứ Báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm của doanh nghiệp góp vốn.

5.16 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - SHP	54.392.835.500	54.392.835.500
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - IDI	57.655.374.376	57.655.374.376
Lợi thế thương mại đầu tư dài hạn vào IDICO - TCC	2.084.567.319	-
Cộng	114.132.777.195	112.048.209.876
Đã phân bổ vào chi phí các năm trước	88.996.212.927	79.886.928.255
Đã phân bổ vào chi phí trong năm	7.825.907.988	9.109.284.672
Lợi thế thương mại còn phân bổ	17.310.656.280	23.051.996.949

Lợi thế thương mại đầu tư vào IDICO - SHP đã được phân bổ hết trong kỳ với giá trị là 1.643.457.087 đồng.



5.17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	230.955.081.649	230.955.081.649	245.164.408.640	245.164.408.640
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	57.079.152.710	57.079.152.710	49.297.989.100	49.297.989.100
Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Thành Đạt	10.740.835.287	10.740.835.287	13.833.907.599	13.833.907.599
Công ty cổ phần Cấp nước Phú Mỹ	5.723.750.445	5.723.750.445	4.443.683.921	4.443.683.921
Công ty cổ phần Sông Đà 10	3.325.852.067	3.325.852.067	3.325.852.067	3.325.852.067
Công ty TNHH Thành Thuận Tiến	6.450.016.712	6.450.016.712	10.037.513.055	10.037.513.055
Công ty cổ phần Cơ khí và xây dựng Nam Thành An	-	-	4.078.197.250	4.078.197.250
Công ty cổ phần Cơ giới & xây lắp số 9	10.356.003.598	10.356.003.598	10.565.576.932	10.565.576.932
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng HaCo Hải Phòng	3.476.657.479	3.476.657.479	-	-
Công ty TNHH MTV Trường Hóa	3.438.944.900	3.438.944.900	3.137.330.400	3.137.330.400
Các đối tượng còn lại	130.363.868.451	130.363.868.451	146.444.358.316	146.444.358.316
b. Dài hạn	-	-	295.079.246	295.079.246
Các đối tượng còn lại	-	-	295.079.246	295.079.246
Cộng	230.955.081.649	230.955.081.649	245.459.487.886	245.459.487.886
Phải trả người bán các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)	9.878.054.697	9.878.054.697	1.905.932.384	1.905.932.384

5.18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN

Đây là khoản người mua trả tiền trước liên quan đến Dự án Khu dân cư Trung tâm Mở rộng Phường 6 do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO làm chủ đầu tư, số dư tại ngày 31/12/2019 là 131.957.695.830 đồng.



5.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Phải nộp	53.543.869.725	366.832.219.216	352.951.610.507	67.424.478.434
Thuế GTGT	12.800.803.429	143.666.817.614	143.391.704.629	13.075.916.414
Thuế xuất, nhập khẩu	-	45.269.593	45.269.593	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.425.058.432	70.825.889.148	65.734.536.687	24.516.410.893
Thuế thu nhập cá nhân	2.310.459.789	17.792.057.343	15.140.891.605	4.961.625.527
Thuế tài nguyên	3.059.390.098	48.869.833.296	43.871.958.586	8.057.264.808
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.294.462.128	68.240.944.126	67.512.826.563	2.022.579.691
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.653.695.849	17.391.408.096	17.254.422.844	14.790.681.101
Phải thu	3.589.912.976	3.542.044.317	153.836.204	201.704.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.454.998.638	3.454.998.638	153.836.204	153.836.204
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	81.766.525	81.766.525	-	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	53.147.813	5.279.154	-	47.868.659

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN**5.20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
		(trình bày lại)
a) Ngắn hạn	26.099.114.209	28.562.376.482
Chi phí lãi vay dự trả - Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	9.599.196.239	11.020.818.290
Chi phí lãi vay dự trả - KCN Phú Mỹ 2 mở rộng	2.024.386.262	2.336.575.243
Chi phí lãi vay dự trả - Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2	748.387.558	754.530.808
Chi phí lãi vay dự trả - KCN Phú Mỹ 2	199.371.077	319.926.633
Trích trước chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện	4.934.427.167	3.229.324.082
Chi phí công trình mở rộng QL 1A Km 848 +875 - Km 890 +200 Thừa Thiên Huế	1.069.912.441	1.069.912.441
Chi phí khối A, B, C - dự án IDICO Tân Phú	-	987.896.597
Chi phí bàn giao khi IDICO chuyển thành công ty cổ phần	270.000.000	270.000.000
Chi phí phải trả khác	7.253.433.465	8.573.392.388
b) Dài hạn	1.146.513.584	1.143.116.899
Chi phí phải trả dài hạn khác	1.146.513.584	1.143.116.899
Cộng	27.245.627.793	29.705.493.381

5.21 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
		(trình bày lại)
a) Ngắn hạn	459.789.476.584	353.179.139.340
Kinh phí công đoàn	1.512.760.154	1.314.340.828
Bảo hiểm xã hội	680.781.146	1.956.688.704
Bảo hiểm y tế	36.776.800	44.948.674
Bảo hiểm thất nghiệp	16.339.415	23.787.801
Phải trả về cổ phần hoá	215.786.958.418	237.919.227.859
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	58.033.343.183	21.765.908.448
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	54.253.507.500	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	129.469.009.968	90.154.237.026
b) Dài hạn	15.199.286.857	156.354.680.532
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.522.700.000	2.775.000.000
Khách hàng góp vốn khu dân cư phường 6 mở rộng, tỉnh Long An	-	143.234.849.774
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.676.586.857	10.344.830.758
Cộng	474.988.763.441	509.533.819.872

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN**5.21 PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)**

(i) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND (trình bày lại)
Ban Điều hành dự án Khu căn hộ cao tầng Tân Phú IDICO: Kinh phí bảo trì căn hộ	15.187.078.700	15.037.775.150
Trích trước thuế GTGT phải nộp của doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn tại chi nhánh Tổng công ty IDICO - Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	-	3.085.784.617
Đền bù các hộ dân quận 7 và Nhà Bè	2.007.375.652	2.007.375.652
Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2	15.689.296.000	11.206.640.000
Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	2.039.457.956	2.282.110.076
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	782.171.528	1.584.444.445
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	3.857.214.611
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự án phường 6, mở rộng	3.653.951.000	3.653.951.000
Công ty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (*)	45.103.258.837	-
Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	1.013.626.447	1.013.626.447
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	5.000.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	38.992.793.848	46.425.315.028
Cộng	129.469.009.968	90.154.237.026

(*) Hoàn trả theo Thỏa thuận ngày 22/8/2019 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (Đại Quang Minh) về việc hoàn trả các chi phí liên quan đến khu đất khoảng 26,4ha nằm về phía Bắc Quốc lộ 10 thuộc Dự án Khu công nghiệp Cầu Nghìn.

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

5.22 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	439.984.720.728	439.984.720.728	881.416.827.478	946.318.339.038	504.886.232.288	504.886.232.288
a1. Vay ngắn hạn (*)	167.908.674.104	167.908.674.104	603.816.444.478	619.098.668.221	183.190.897.847	183.190.897.847
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	-	-	57.000.000.000	57.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	872.000.000	872.000.000	-	-	872.000.000	872.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	3.265.816.267	3.265.816.267	62.005.937.721	69.711.014.046	10.970.892.592	10.970.892.592
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai	82.020.084.643	82.020.084.643	337.025.237.513	378.462.796.595	123.457.643.725	123.457.643.725
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	29.316.425.554	29.316.425.554	52.144.246.334	45.651.500.696	22.823.679.916	22.823.679.916
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước	3.305.836.863	3.305.836.863	7.385.160.579	9.088.956.935	5.009.633.219	5.009.633.219
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An	35.517.119.339	35.517.119.339	43.200.715.188	14.669.696.045	6.986.100.196	6.986.100.196
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	12.734.807.438	12.734.807.438	35.446.131.143	33.854.598.685	11.143.274.980	11.143.274.980
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	876.584.000	876.584.000	2.109.016.000	3.160.105.219	1.927.673.219	1.927.673.219
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long An	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Long An	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000	-	-

TỔNG CÔNG TY IDICO – CTPC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

5.22 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a2. Nợ dài hạn đến hạn trả	272.076.046.624	272.076.046.624	277.600.383.000	327.219.670.817	321.695.334.441	321.695.334.441
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	45.912.314.500	45.912.314.500	46.444.000.000	34.753.685.500	34.222.000.000	34.222.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	86.400.000.000	86.400.000.000	89.000.000.000	136.518.428.429	133.918.428.429	133.918.428.429
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng	8.940.000.000	8.940.000.000	11.340.000.000	16.342.243.000	13.942.243.000	13.942.243.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quảng Ngãi	1.223.732.124	1.223.732.124	1.216.383.000	1.367.458.876	1.374.808.000	1.374.808.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An	-	-	-	2.587.195.012	2.587.195.012	2.587.195.012
Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Long An	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000	14.600.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	-	-	-	1.050.660.000	1.050.660.000	1.050.660.000

(*) Vay ngắn hạn của Tổng công ty phản ánh các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, bằng đồng Việt Nam cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Tổng công ty đã sử dụng các tài sản cố định hữu hình và vô hình để thế chấp cho khoản vay này. Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất trong khoảng từ 8%/năm đến 9,8%/năm tùy theo quy định của các ngân hàng thương mại tại nơi hoạt động của Tổng công ty và mỗi công ty con. Các khoản vay này có thời hạn vay từ 3 tháng đến 12 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.



TỔNG CÔNG TY IDICO – CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09 -DN/HN

5.22 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.204.208.677.918	2.204.208.677.918	218.605.749.913	391.428.383.000	2.377.031.311.005	2.377.031.311.005
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	327.235.476.771	327.235.476.771	129.560.476.771	46.772.000.000	244.447.000.000	244.447.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	47.083.212.997	47.083.212.997	75.155.273.142	202.500.000.000	174.427.939.855	174.427.939.855
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	700.246.251.115	700.246.251.115	-	80.000.000.000	780.246.251.115	780.246.251.115
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	13.833.973.466	13.833.973.466	13.890.000.000	11.340.000.000	11.283.973.466	11.283.973.466
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	-	1.216.383.000	1.216.383.000	1.216.383.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Tp.HCM	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	1.101.409.763.569	1.101.409.763.569	-	-	1.101.409.763.569	1.101.409.763.569
Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Long An	14.400.000.000	14.400.000.000	-	14.600.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
Cộng	2.644.193.398.646	2.644.193.398.646	1.100.022.577.391	1.337.746.722.038	2.881.917.543.293	2.881.917.543.293

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN

5.22 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Thời hạn	Kỳ này (VND) Trả nợ gốc	Kỳ trước (VND) Trả nợ gốc
Trong vòng 1 năm	439.984.720.728	467.939.334.441
Trong năm thứ hai	694.694.223.466	694.505.383.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.509.514.454.452	1.719.472.825.852
Sau 5 năm	-	-

Phân loại các khoản vay dài hạn

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Số dư vay bằng VND	2.476.284.724.542	2.698.726.645.446
Tín chấp	167.908.674.104	183.190.897.847
Bảo đảm bằng tài sản của TCT	2.308.376.050.438	2.515.535.747.599
Vay theo lãi suất thả nổi	2.476.284.724.542	2.656.208.217.017
Vay theo lãi suất ưu đãi	-	42.518.428.429

Lãi suất vay thả nổi từ 9,10%/năm đến 11,80%/năm.

5.23 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	160.172.756.007	144.114.522.195
Tiền cho thuê đất, phí quản lý và sử dụng hạ tầng nhận trước tại các khu công nghiệp	159.843.210.552	126.936.775.298
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	329.545.455	17.177.746.897
b) Dài hạn	5.925.489.513.790	5.441.527.144.501
Tiền cho thuê đất, phí quản lý và sử dụng hạ tầng nhận trước tại các khu công nghiệp:	5.925.358.000.426	5.441.391.247.357
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	1.353.692.071.724	1.438.112.196.650
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	812.547.790.700	1.332.599.350.544
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	1.488.358.108.482	841.140.033.620
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	286.066.406.364	195.246.290.457
- Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	223.969.768.936	232.168.412.139
- Khu công nghiệp Kim Hoa	112.140.280.979	116.181.372.184
- Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1	1.054.816.321.117	872.844.645.675
- Khu công nghiệp Quế Võ 2	571.376.364.600	413.098.946.088
- Khu công nghiệp Cầu Nghìn	22.390.887.524	-
Doanh thu nhận trước dài hạn khác	131.513.364	135.897.144
Cộng	6.085.662.269.797	5.585.641.666.696

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃU B 09 -DN/HN**5.24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	42.982.704.237	23.664.403.455
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng	-	8.320.538.111
Chi phí sửa chữa vừa và lớn các dự án ngắn hạn theo dự toán	42.982.704.237	13.849.865.344
Các khoản khác	-	1.494.000.000
Dài hạn	162.006.558.812	156.388.264.435
Chi phí sửa chữa vừa và lớn các dự án dài hạn theo dự toán	160.189.020.355	154.499.413.152
Các khoản khác	1.817.538.457	1.888.851.283
Cộng	204.989.263.049	180.052.667.890

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

5.25 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/3/2018	3.000.000.000.000	42.657.878.636	4.182.289.158	(57.869.378.197)	6.124	85.816.495.178	354.181.005.434	566.334.352.623	3.995.302.648.956
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	88.806.078.094	232.791.608.630	366.941.344.944	688.539.031.668
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	-	232.612.344.363	115.654.048.824	348.266.393.187
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	88.806.078.094	-	-	88.806.078.094
Điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế	-	-	-	-	-	-	179.264.267	-	179.264.267
Tăng do điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	251.287.296.120	251.287.296.120
Giảm trong kỳ	-	-	1.433.729.175	1.427.274.831	6.124	1.128.677.590	272.184.952.538	200.258.850.830	476.433.491.088
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	88.806.078.094	78.555.661.028	167.361.739.122
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	14.619.214.750	13.138.195.802	27.757.410.552
Giảm do điều chỉnh hợp nhất	-	-	1.433.729.175	1.427.274.831	-	1.128.677.590	168.263.659.694	-	172.253.341.290
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	108.564.994.000	108.564.994.000
Giảm khác	-	-	-	-	6.124	-	496.000.000	-	496.006.124
Số dư tại 31/12/2018	3.000.000.000.000	42.657.878.636	2.748.559.983	(59.296.653.028)	-	173.493.895.682	314.787.661.526	733.016.846.737	4.207.408.189.536

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

5.25 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	3.000.000.000.000	42.657.878.636	2.748.559.983	(59.296.653.028)	-	173.493.895.682	314.787.661.526	733.016.846.737	4.207.408.189.536
Tăng trong năm	-	36.248.244	-	-	-	37.213.625.522	344.870.950.686	132.601.642.309	514.722.466.761
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	344.696.648.137	132.340.992.878	477.037.641.015
Theo Báo cáo KTNN khu vực IV ngày 04/3/2019	-	36.248.244	-	-	-	-	-	-	36.248.244
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	37.213.625.522	-	-	37.213.625.522
Tăng do điều chỉnh hồi tố các công ty con	-	-	-	-	-	-	174.302.549	260.649.431	434.951.980
Giảm trong năm	-	797.453.033	-	-	-	-	405.610.899.963	83.119.387.831	489.527.740.827
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	300.000.000.000	67.171.982.000	367.171.982.000
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	105.610.899.963	15.947.405.831	121.558.305.794
Theo Báo cáo KTNN khu vực IV ngày 04/3/2019	-	797.453.033	-	-	-	-	-	-	797.453.033
Số dư tại 31/12/2019	3.000.000.000.000	41.896.673.847	2.748.559.983	(59.296.653.028)	-	210.707.521.204	254.047.712.249	782.499.101.215	4.232.602.915.470

(*) Phân phối lợi nhuận trong kỳ của Tổng công ty và các công ty căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Bộ Xây dựng	1.080.000.000.000	1.080.000.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO	675.000.000.000	675.000.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	675.000.000.000	675.000.000.000
Các cổ đông khác	570.000.000.000	570.000.000.000
Tổng	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

5.25 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018 VND
Số đầu kỳ	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

5.26 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Từ ngày 31 tháng 12		
Vốn điều lệ của các công ty con	1.584.992.000.000	1.584.992.000.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho công ty mẹ	1.093.375.810.000	1.093.375.810.000
Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	491.616.190.000	491.616.190.000
Chi tiết như sau:		
Vốn của cổ đông không kiểm soát	491.616.190.000	491.616.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	12.421.422.800	12.421.422.800
Vốn khác của chủ sở hữu	2.090.885.410	2.090.885.410
Lợi nhuận sau thuế lũy kế	90.631.806.473	74.710.551.132
Quỹ đầu tư phát triển	185.738.796.532	152.177.797.395
Cộng	782.499.101.215	733.016.846.737

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

5.27 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018 VND (trình bày lại)
Doanh thu kinh doanh điện	3.110.679.262.659	2.564.942.333.376
Doanh thu xây lắp	350.593.634.076	380.368.152.410
Doanh thu thu phí đường bộ	379.225.527.305	317.030.271.859
Doanh thu kinh doanh bất động sản	113.799.272.774	82.530.671.262
Doanh thu dịch vụ khu công nghiệp	634.310.528.541	529.151.893.090
Doanh thu sản phẩm và dịch vụ khác	342.535.282.507	280.490.039.258
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.397.982.667	-
Giảm giá hàng bán	714.668.624	-
Hàng bán bị trả lại	1.683.314.043	-
Cộng	4.928.745.525.195	4.154.513.361.255
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)	115.466.462.110	6.168.656.008

5.28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018 VND (trình bày lại)
Giá vốn kinh doanh điện	2.798.775.160.801	2.293.519.232.723
Giá vốn xây lắp	327.063.984.446	328.027.493.986
Giá vốn thu phí đường bộ	186.497.266.504	158.395.107.623
Giá vốn kinh doanh bất động sản	62.511.613.944	52.301.272.571
Giá vốn dịch vụ khu công nghiệp	431.676.847.713	364.585.389.821
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	284.106.022.927	267.928.232.974
Cộng	4.090.630.896.335	3.464.756.729.698

5.29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	126.056.304.809	131.344.992.602
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.696.000.000	859.356.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.187	7.244.714
Lãi bán hàng trả chậm	912.817.892	748.551.836
Doanh thu hoạt động tài chính khác	409.754.119	385.840.082
Cộng	129.074.878.007	133.345.985.234

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

5.30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	202.144.603.821	196.252.510.271
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	63.636.364	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.669.602	-
Dự phòng các khoản đầu tư	4.130.236.686	6.648.214.702
Chi phí tài chính khác	-	2.513.933.981
Cộng	206.341.146.473	205.414.658.954

5.31 PHẦN LÃI TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT

	Năm 2019	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018
	VND	VND
BVEC	31.602.451.354	(46.949.387.044)
LAMA IDICO	2.323.875.831	2.685.054.285
DAK MI JSC	52.217.691.674	45.513.543.865
THU THUA IDICO - CONAC	2.893.341	-
SONG HONG 1, JSC	(6.619.069.166)	-
Cộng	79.527.843.034	1.249.211.106

5.32 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	39.404.469.741	32.697.395.495
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	8.932.044.434	7.351.910.404
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	2.890.481.547	3.392.088.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.611.056.664	4.022.907.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.955.519.383	12.857.522.140
Chi phí bằng tiền khác	4.349.541.730	3.152.441.715
Chi phí chiết khấu, hoa hồng, môi giới, khuyến mãi	6.186.620.308	-
Cộng	81.329.733.807	63.474.266.031

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

5.33 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018	
	Năm 2019 VND	VND (trình bày lại)
Chi phí nhân viên quản lý	98.678.607.819	65.993.644.495
Chi phí vật liệu quản lý	4.500.654.852	3.186.414.889
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.364.184.555	2.345.653.922
Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	13.888.315.722	10.423.403.042
Thuế phí và lệ phí	3.197.380.905	4.630.350.163
Chi phí dự phòng	2.058.636.527	(11.070.377.083)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.450.987.641	9.202.676.303
Chi phí bằng tiền khác	54.508.779.299	55.431.591.279
Phân bổ lợi thế thương mại	7.825.907.989	9.109.284.672
Cộng	197.473.455.309	149.252.641.682

5.34 THU NHẬP KHÁC/ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018	
	Năm 2019 VND	VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.942.609.864	1.939.952.396
Tiền bồi thường tổn thất tài sản của bảo hiểm	1.393.402.206	-
Lãi phạt chậm thanh toán	9.434.534.007	-
Tiền điện, nước sử dụng tại căn hộ Tân Phú	2.409.356.428	-
Các khoản khác	10.752.388.925	10.883.814.684
Cộng	28.932.291.430	12.823.767.080
Chi phí khác		
Chi phí dự án ngưng đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019	4.860.551.044	-
Điều chỉnh số thuế chênh lệch với cơ quan thuế	1.043.166.286	2.123.685.567
Lãi chậm nộp	494.933.621	-
Tiền điện, nước sử dụng tại căn hộ Tân Phú	4.545.202.762	-
Các khoản khác	5.100.660.091	4.096.195.505
Cộng	16.044.513.804	6.219.881.072
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	12.887.777.626	6.603.886.008

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

5.35 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018
	VND	VND
IDICO - SHP	20.486.397.765	16.968.973.880
IDICO - UDICO	14.110.609.088	9.867.606.140
IDICO - URBIZ	8.896.328.032	5.233.176.330
IDICO - CONAC	8.217.583.147	5.865.087.527
IDICO - IDI	5.716.973.489	6.201.349.225
IDICO - INCON	574.342.403	535.541.212
IDICO - ICC	759.356.111	636.741.927
IDICO - LINCO	4.591.632.937	5.970.092.425
IDICO	7.472.666.176	4.146.611.300
Chi phí thuế TNDN hiện hành	70.825.889.148	55.425.179.966

5.36 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	344.696.648.137	232.612.344.363
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(42.115.787.763)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	344.696.648.137	190.496.556.600
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	300.000.000	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.149	635

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu 10 tháng năm 2018 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu 10 tháng năm 2018 giảm từ 775 VND xuống 635 VND.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

5.37 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	625.086.201.824	498.842.132.448
Chi phí nhân công	356.106.703.594	284.186.448.016
Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ	420.453.406.681	335.537.520.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.942.782.642.760	2.348.450.445.014
Chi phí khác bằng tiền	263.730.880.996	210.467.091.873
Cộng	4.608.159.835.855	3.677.483.637.411

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tiền chi trả lãi vay trong kỳ không bao gồm số tiền 12.571.341.136 VND liên quan đến chi trả lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền cổ tức phải trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm số tiền 54.253.507.500 VND liên quan đến khoản cổ tức phải chi trả cho chủ sở hữu phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận chưa được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 48.646.742.129 VND liên quan đến lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận chưa được chia trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 –DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

a) Danh sách các bên liên quan:

Stt Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên giao dịch
1 Công ty cổ phần Thủy điện Đak Mi	Công ty liên kết	ĐAK MI JSC
2 Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ	Công ty liên kết	PFG
3 Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Công ty liên kết	BVEC
4 Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Công ty liên kết	LAMA IDICO
5 Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Công ty liên kết	SONG HONG 1, JSC
6 Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp và Đô thị Thủ thừa IDICO – CONAC	Công ty liên kết	IDTT
7 Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	Đầu tư khác	CUONG THUAN IDICO

b) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

Bên liên quan	31/12/2019 VND	01/01/2019 (trình bày lại) VND
Phải thu khách hàng	38.094.469.911	2.114.780.629
PFG	49.966.875	13.768.125
LAMA IDICO	101.900.493	313.222.726
IDTT	-	19.875.000
CUONG THUAN IDICO	37.942.602.543	1.767.914.778
Phải thu cho vay ngắn hạn	147.946.995.976	119.237.790.667
ĐAK MI JSC	147.946.995.976	119.237.790.667
Phải thu khác ngắn hạn	119.756.691.115	8.426.743.279
ĐAK MI JSC	118.133.006.235	6.963.058.399
SONG HONG 1, JSC	1.623.684.880	1.463.684.880
Phải trả người bán ngắn hạn	9.878.054.697	1.905.932.384
LAMA IDICO	1.631.209.998	1.905.932.384
IDTT	8.246.844.699	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	983.217.449	28.217.796.070
PFG	983.217.449	8.560.000.000
CUONG THUAN IDICO	-	19.657.796.070

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 –DN/HN

c) Trong năm, Tổng công ty đã có giao dịch mua bán và các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019	Kỳ kế toán
		VND	10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018
			VND
			(trình bày lại)
Bán hàng		115.466.462.110	6.168.656.008
PFG	Xây lắp	22.391.138.155	5.045.243.638
	Dịch vụ	5.877.655.034	289.158.628
LAMA IDICO	Cung cấp nước	636.601.216	-
	Cung cấp điện	1.679.612.690	713.800.639
	Xăng dầu	71.059.923	-
	Tư vấn	166.000.000	-
CUONG THUAN IDICO	Xây lắp	84.116.051.455	120.453.103
IDTT	Cung cấp dịch vụ	528.343.637	-
Mua hàng		-	14.708.325.384
LAMA IDICO	Mua vật tư	-	410.000.000
	Thay thế thiết bị	-	14.102.725.384
	Sửa chữa tài sản	-	145.600.000
	Mua thép	-	50.000.000
Lãi cho vay		15.379.153.145	4.677.970.219
DAK MI JSC	Lãi cho vay	15.379.153.145	4.677.970.219
Cho vay		221.246.473.998	99.463.302.931
DAK MI JSC	Cho vay	102.600.895.998	97.802.966.431
Cổ tức được chia			
DAK MI JSC	Cổ tức	117.000.000.000	-
LAMA IDICO	Cổ tức	1.645.578.000	1.660.336.500

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 –DN/HN

d) Trong kỳ, Tổng công ty đã có giao dịch chủ yếu về trả lương và thù lao với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019	Kỳ kế toán
		VND	10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018 VND (trình bày lại)
Hội đồng quản trị	Thu nhập tiền lương và thù lao	3.437.075.000	2.672.222.000
Ban Tổng giám đốc và người quản lý	Thu nhập tiền lương và thù lao	7.313.211.000	6.515.929.000
Ban kiểm soát	Thu nhập tiền lương và thù lao	1.980.285.000	1.293.463.000
Cộng		12.730.571.000	10.481.614.000

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

7.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.22, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	667.827.120.829	742.830.344.143
Phải thu khách hàng và phải thu khác	905.588.139.433	728.442.847.232
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.210.304.475.066	1.533.062.296.507
Đầu tư tài chính dài hạn khác	840.000.000	840.000.000
Cộng	2.784.559.735.328	3.005.175.487.882
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.644.193.398.646	2.881.917.543.293
Phải trả người bán và phải trả khác	705.943.845.090	754.993.307.758
Chi phí phải trả	27.245.627.793	29.705.493.381
Cộng	3.377.382.871.529	3.666.616.344.432

Các loại công cụ tài chính

Tổng công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2019, Tổng công ty đã tiến hành rà soát tình trạng công nợ phải thu khách hàng, kết hợp đồng thời với thủ tục đối chiếu xác nhận công nợ phải thu, Tổng công ty đã phân loại và đánh giá khả năng thu hồi công nợ theo từng khách hàng. Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính với giá trị là 22.538.764.660 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 25.379.765.241 đồng).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.

Tại 31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	690.744.558.233	15.199.286.857	705.943.845.090
Chi phí phải trả	26.099.114.209	1.146.513.584	27.245.627.793
Các khoản vay	439.984.720.728	2.204.208.677.918	2.644.193.398.646
Cộng	1.156.828.393.170	2.220.554.478.359	3.377.382.871.529
Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	598.343.547.980	156.649.759.778	754.993.307.758
Chi phí phải trả	28.562.376.482	1.143.116.899	29.705.493.381
Các khoản vay	504.886.232.288	2.377.031.311.005	2.881.917.543.293
Cộng	1.131.792.156.750	2.534.824.187.682	3.666.616.344.432

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

7.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	667.827.120.829	-	667.827.120.829
Phải thu khách hàng và phải thu khác	867.557.866.326	38.030.273.107	905.588.139.433
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.210.304.475.066	-	1.210.304.475.066
Tài sản thuê tài chính	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	840.000.000	840.000.000
Cộng	2.745.689.462.221	38.870.273.107	2.784.559.735.328
Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 15 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	742.830.344.143	-	742.830.344.143
Phải thu khách hàng và phải thu khác	701.738.105.244	26.704.741.988	728.442.847.232
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.533.062.296.507	-	1.533.062.296.507
Tài sản thuê tài chính	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	840.000.000	840.000.000
Cộng	2.977.630.745.894	27.544.741.988	3.005.175.487.882

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

7.3 Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Tổng công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp, kinh doanh điện năng, thu phí đường bộ, xây lắp, bất động sản và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh vật tư, thiết kế, chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Tổng công ty. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Tổng Công ty không theo dõi riêng tài sản, nợ phải trả bộ phận. Tổng Công ty theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả của từng bộ phận cho kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018 và năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

a) Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 10 tháng kết thúc ngày 31/12/2018

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh khu công nghiệp	Hoạt động thu phí đường bộ	Các hoạt động còn lại	Tổng (trình bày lại) VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.564.942.333.376	380.368.152.410	529.151.893.090	317.030.271.859	363.020.710.520	4.154.513.361.255
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.293.519.232.723	328.027.493.986	364.585.389.821	158.395.107.623	320.229.505.545	3.464.756.729.698
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	133.345.985.234
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	205.414.658.954
Phần lãi trong liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	1.249.211.106
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	63.474.266.031
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	149.252.641.682
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	12.823.767.080
Chi phí khác	-	-	-	-	-	6.219.881.072
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	412.814.147.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	55.425.179.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	9.122.574.085
Lợi nhuận trong năm						348.266.393.187

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -DN/HN

b) Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Hoạt động kinh doanh điện	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh khu công nghiệp	Hoạt động thu phí đường bộ	Các hoạt động còn lại	Tổng (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.110.679.262.659	350.593.634.076	634.310.528.541	379.225.527.305	453.936.572.614	4.928.745.525.195
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.798.775.160.801	327.063.984.446	431.676.847.713	186.497.266.504	346.617.636.871	4.090.630.896.335
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	129.074.878.007
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	206.341.146.473
Phần lãi trong liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	79.527.843.034
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	81.329.733.807
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	197.473.455.309
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	28.932.291.430
Chi phí khác	-	-	-	-	-	16.044.513.804
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	574.460.791.938
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	70.825.889.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	26.597.261.775
Lợi nhuận trong năm						477.037.641.015

TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 -DN/HN

7.4 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/3/2018 đến 31/12/2018 tại đã được kiểm toán. Kỳ hoạt động từ ngày 01/3/2018 đến ngày 31/12/2018 là kỳ hoạt động đầu tiên của Tổng công ty IDICO -CTCP dưới hình thức công ty cổ phần nên không có số liệu so sánh tương ứng cho năm tài chính 2019. Một số khoản mục trên Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày lại cho phù hợp với số trình bày kỳ này.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Bùi Tiến Dũng

Trần Thị Ngọc

Nguyễn Văn Đạt

